

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2022/HS-PT
Ngày 30 - 12 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Thái

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Sơn

Bà Phạm Thị Thúy Mai

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Phương Thao - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà:
Bà Mậu Mai Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 156/2022/TLPT - HS ngày 11 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo K và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo K, T, K, D và S đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 65/2022/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. K, sinh ngày 15 tháng 3 năm 1987 tại xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn Mới, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T (đã chết) và bà Dương Thị N; có vợ Đỗ Thị Hồng T và 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/5/2022 đến ngày 26/5/2022 được tại ngoại, (Có mặt).

2. T, sinh ngày 23 tháng 11 năm 1973 tại xã S, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn Q, xã S, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc Q (đã chết) và bà Lê Thị P (đã chết); có vợ Lê Thị T và 02 con, đều sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 26/5/2017 bị phòng cảnh sát môi trường công an tỉnh Tuyên Quang xử phạt vi phạm hành chính 3.000.000đ về hành vi khai khoáng trái phép. Ngày

31/5/2017 đã nộp phạt xong; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/5/2022 đến ngày 26/5/2022 được tại ngoại, (Có mặt).

3. K, sinh ngày 01 tháng 12 năm 1992 tại xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn Đ 3, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; có vợ Trần Thị D và 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/5/2022 đến ngày 26/5/2022 được tại ngoại, (Có mặt).

4. D, sinh ngày 10 tháng 9 năm 1981 tại xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Phùng Thị K; có vợ Phùng Thị Nh và 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/5/2022 đến ngày 26/5/2022 được tại ngoại, (Có mặt).

5. S, sinh ngày 30 tháng 4 năm 1997 tại xã Việt Xuân, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn D, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị M Th; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/5/2022 đến ngày 26/5/2022 được tại ngoại, (Có mặt).

Ngoài ra còn có 09 bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan đến vụ án không có kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập.

Người bào chữa cho bị cáo K: Ông Nguyễn Văn H, Luật sư Công ty luật TNHH Kiến Phúc thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 20/5/2022, K, sinh năm 1987, Nguyễn Tiến N, sinh năm 1993, M, sinh năm 1979 cùng trú tại xã Bồ Sao, huyện V, tỉnh Vĩnh phúc; S, sinh năm 1997 trú tại xã Việt Xuân, huyện V, tỉnh Vĩnh phúc và Phạm Ngọc G, sinh năm 1987 trú tại xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ đều là công nhân Công ty TNHH một thành viên xây dựng L(sau đây gọi tắt là công ty L) có trụ sở tại thôn Việt A, xã Việt X, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc đang nghỉ tại phòng nghỉ của công ty thì K, N, M, S và G cùng rủ nhau đánh bạc bằng hình thức chơi xóc đĩa ăn tiền. Sau đó, K lấy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ và 04 quân xóc hình tròn cắt từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long có 01 mặt màu trắng và 01 mặt màu vàng có sẵn tại vị trí giá để đồ trong phòng ngủ để làm dụng cụ để đánh bạc với nhau. K, X, M, S và G ngồi lên chiếc đệm được trải trên giường của phòng ngủ để đánh bạc. Cả bọn thống nhất đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa ăn tiền, K là người xóc cái, mức đặt cược thấp nhất là 10.000 đồng/ván, cao nhất là 200.000 đồng/ván, ai đặt cửa

chấn thì đặt tiền bên tay phải của K, ai đặt cửa lẻ thì đặt tiền bên tay trái của K. Các đối tượng đánh bạc được khoảng 30 phút thì M, sinh năm 1979, Æ, sinh năm 1986, Å, sinh năm 1984 đều trú tại xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; U, sinh năm 1965 trú tại xã Việt X, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; C, sinh năm 1984 trú tại xã C, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; E, sinh năm 1990, T, sinh năm 1973 đều trú tại xã S Đông, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; K, sinh năm 1992 trú tại xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; D, sinh năm 1981 trú tại xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc đều là nhân viên của công ty Lđi vào trong phòng nghỉ của công ty thấy K, X, M, S, G đang đánh bạc với nhau nên M, Æ, Å, U, C, N, T, K, D tham gia đánh bạc cùng. Quá trình đánh bạc, G bị thua hết tiền nên vay của S 500.000đ để tiếp tục đánh bạc, S không lấy lãi đối với số tiền cho G vay. Các đối tượng K, X, M, S, G, Æ, Å, U, C, N, T, K, D đánh bạc với nhau đến khoảng 12 giờ 35 phút cùng ngày thì bị Công an huyện V bắt quả tang. Vật chứng thu giữ gồm:

Thu tại giường nơi các đối tượng ngồi đánh bạc: Số tiền 21.500.000 đồng; 01 chiếc đĩa sứ; 01 chiếc bát sứ; 04 quân xóc được cắt từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long có 01 mặt màu trắng và 01 mặt màu vàng; 01 chiếc kéo kim loại có chuôi bọc nhựa màu xanh; 01 chiếc đệm màu đỏ; 01 chiếc đệm màu vàng- nâu.

Kiểm tra, thu giữ trên người các đối tượng: U: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại 1280, màu xanh, số IMEI: 353664058723640, bên trong gắn 01 thẻ sim điện thoại mang số thuê bao 0983.496.765; M: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy A71, màu xanh- đen, số IMEI 1: 353408112691926, số IMEI 2: 353409112691924, bên trong gắn 01 thẻ sim điện thoại mang số thuê bao 0334.413.059; Å: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy A31, màu xanh, số IMEI 1: 357985640561966, số IMEI 2: 358356560561965, bên trong gắn 01 thẻ sim điện thoại mang số thuê bao 0387.179.194; T: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, loại A53, màu xanh- đen, số IMEI 1: 861438050833292, số IMEI 2: 861438050833284, bên trong gắn 01 thẻ sim điện thoại mang số thuê bao 0965.290.873, 01 ví giả da màu nâu và số tiền 9.000.000đ; K: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 11 Promax, màu vàng, số IMEI: 3528551112999468, bên trong gắn 01 thẻ sim điện thoại mang số thuê bao 0972.241.214, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại 105, màu xanh, số IMEI 1: 353482150061144, số IMEI 2: 353482152061142, bên trong gắn 01 thẻ sim điện thoại mang số thuê bao 0929.607.666, 01 ví giả da màu đen và số tiền 1.900.000đ; Nguyễn Tiến X: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone XS Max, màu vàng, số IMEI: 357308093294938, bên trong gắn 01 thẻ sim điện thoại mang số thuê bao 0387.407.666; M: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy A9, màu xanh, số IMEI 1: 355085100332065, IMEI 2: 355086100332063, bên trong gắn 01 thẻ sim điện thoại mang số thuê bao 0974.223.808 và số tiền 2.300.000đ; Å: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại 2.2, màu đen, số IMEI 1: 354216106272244, IMEI 2: 354216106271251, bên trong gắn 01 thẻ sim điện thoại mang số thuê bao 0984.672.252; S: 01 chiếc điện thoại di

động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 11 Promax, màu đen, số IMEI: 353906105789920, bên trong gắn 01 thẻ sim điện thoại mang số thuê bao 0966.099.900; C: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, loại A12, màu đen, số IMEI 1: 865194059070099, IMEI 2: 865194059070081, bên trong gắn 01 thẻ sim điện thoại mang số thuê bao 0925.515.832; E: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone X, màu trắng, số IMEI: 35672008174408, bên trong gắn 01 thẻ sim điện thoại mang số thuê bao 0368.889.408, 01 ví giả da màu đen và số tiền 900.000đ; D: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 8 Plus, màu đen, số IMEI: 356733084544820, bên trong gắn 01 thẻ sim điện thoại mang số thuê bao 0967.656.833 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 6S Plus, màu vàng, số IMEI: 353348070204371, bên trong gắn 01 thẻ sim điện thoại mang số thuê bao 0979.521.984 ; Phạm Ngọc G: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 12 Pro, màu xanh, số IMEI: 350742135273772, bên trong gắn 01 thẻ sim điện thoại mang số thuê bao 0978.678.930; K: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 11, màu đỏ, số IMEI 1: 353980100463385, IMEI 2: 353980100333372, bên trong gắn 01 thẻ sim điện thoại mang số thuê bao 0977.168.799. Toàn bộ các tang vật nêu trên được niêm phong theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra xác định:

K có vai trò là người chuẩn bị dụng cụ đánh bạc gồm: 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ và 04 quân xóc. K là người xóc cái, cân tiền đánh bạc, nhận cược đánh bạc với các đối tượng khác. Khi đánh bạc, K đem theo số tiền 1.800.000đ và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Từ khi đánh bạc đến khi bị cơ quan Công an bắt quả tang thì K đang thua số tiền 300.000đ, số tiền còn lại là 1.500.000đ thì K để tại đệm trước mặt vị trí mình ngồi đánh bạc thì bị Cơ quan Công an thu giữ khi bắt quả tang.

K là người trực tiếp tham gia đánh bạc bằng hình thức chơi xóc đĩa ăn tiền. Khi đánh bạc, K đem theo số tiền 11.000.000đ và sử dụng toàn bộ số tiền này vào việc đánh bạc. Từ khi đánh bạc đến khi bị cơ quan Công an bắt quả tang thì K đang thua số tiền 500.000đ, số tiền còn lại là 10.500.000đ. K để tại đệm trước mặt vị trí mình ngồi đánh bạc số tiền 8.600.000đ và để 1.900.000đ ở trên người. Số tiền trên Cơ quan Công an thu giữ khi bắt quả tang.

T là người trực tiếp tham gia đánh bạc bằng hình thức chơi xóc đĩa ăn tiền. Khi đánh bạc, T đem theo số tiền 9.000.000đ và sử dụng toàn bộ số tiền này vào việc đánh bạc. Từ khi đánh bạc đến khi bị cơ quan Công an bắt quả tang thì T đang thắng số tiền 180.000đ. Tổng số tiền gốc và tiền thắng bạc là 9.180.000đ, T để tại đệm trước mặt vị trí mình ngồi đánh bạc số tiền 180.000đ và để 9.000.000đ ở trên người. Số tiền trên Cơ quan Công an thu giữ khi bắt quả tang.

M là người trực tiếp tham gia đánh bạc bằng hình thức chơi xóc đĩa ăn tiền. Khi đánh bạc, M đem theo số tiền 2.400.000đ và sử dụng toàn bộ số tiền

này vào việc đánh bạc. Từ khi đánh bạc đến khi bị cơ quan Công an bắt quả tang thì M đang thắng số tiền 100.000đ. Tổng số tiền gốc và tiền thắng bạc là 2.500.000đ, M để tại đệm trước mặt vị trí mình ngồi đánh bạc số tiền 200.000đ và để 2.300.000đ ở trên người. Số tiền trên Cơ quan Công an thu giữ khi bắt quả tang.

D là người trực tiếp tham gia đánh bạc bằng hình thức chơi xóc đĩa ăn tiền. Khi đánh bạc, D đem theo số tiền 2.200.000đ và sử dụng toàn bộ số tiền này vào việc đánh bạc. Từ khi đánh bạc đến khi bị cơ quan Công an bắt quả tang thì D đang thắng số tiền 100.000đ. Tổng số tiền gốc và tiền thắng bạc là 2.300.000đ, D để tại đệm trước mặt vị trí mình ngồi đánh bạc và bị Cơ quan Công an thu giữ khi bắt quả tang.

S là người trực tiếp tham gia đánh bạc bằng hình thức chơi xóc đĩa ăn tiền. Khi đánh bạc, S đem theo số tiền 1.820.000đ và sử dụng toàn bộ số tiền này vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc, S bị thua hết tiền nên đã vay của S 500.000đ để tiếp tục sử dụng vào việc đánh bạc. Từ khi đánh bạc đến khi bị cơ quan Công an bắt quả tang thì S đang thắng bạc số tiền 200.000đ. Tổng số tiền gốc và tiền thắng bạc là 1.520.000đ (sau khi trừ đi 500.000đ tiền cho S vay), S để tại đệm trước mặt vị trí mình ngồi đánh bạc và bị Cơ quan Công an thu giữ khi bắt quả tang.

E là người trực tiếp tham gia đánh bạc bằng hình thức chơi xóc đĩa ăn tiền. Khi đánh bạc, E đem theo số tiền 1.700.000đ và sử dụng toàn bộ số tiền này vào việc đánh bạc. Từ khi đánh bạc đến khi bị cơ quan Công an bắt quả tang thì E đang thua số tiền 300.000đ, số tiền còn lại là 1.400.000đ, E để tại đệm trước mặt vị trí mình ngồi đánh bạc 500.000đ và để 900.000đ ở trên người. Số tiền trên Cơ quan Công an thu giữ khi bắt quả tang.

Nguyễn Tiến X là người trực tiếp tham gia đánh bạc bằng hình thức chơi xóc đĩa ăn tiền. Khi đánh bạc, X đem theo số tiền 1.500.000đ và sử dụng toàn bộ số tiền này vào việc đánh bạc. Từ khi đánh bạc đến khi bị cơ quan Công an bắt quả tang thì X đang thắng bạc số tiền 180.000đ. Tổng số tiền gốc và tiền thắng bạc là 1.680.000đ, X để tại đệm trước mặt vị trí mình ngồi đánh bạc và bị Cơ quan Công an thu giữ khi bắt quả tang.

Phạm Ngọc G là người trực tiếp tham gia đánh bạc bằng hình thức chơi xóc đĩa ăn tiền. Khi đánh bạc, G đem theo số tiền 600.000đ và sử dụng toàn bộ số tiền này vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc, G thua hết số tiền đem theo nên đã vay của S 500.000đ để tiếp tục sử dụng vào việc đánh bạc. Từ khi đánh bạc đến khi bị cơ quan Công an bắt quả tang thì G đang thua số tiền 300.000đ (tính cả số tiền 600.000đ G đem đi từ trước và số tiền 500.000đ G vay của S), số tiền còn lại là 800.000đ G để tại đệm trước mặt vị trí mình ngồi đánh bạc và bị Cơ quan Công an thu giữ khi bắt quả tang.

Ă là người trực tiếp tham gia đánh bạc bằng hình thức chơi xóc đĩa ăn tiền. Khi đánh bạc, Ă đem theo số tiền 980.000đ và sử dụng toàn bộ số tiền này

vào việc đánh bạc. Từ khi đánh bạc đến khi bị cơ quan Công an bắt quả tang thì A đang thua số tiền 180.000đ, số tiền còn lại là 800.000đ, A để tại đệm trước mặt vị trí mình ngồi đánh bạc và bị Cơ quan Công an thu giữ khi bắt quả tang.

A là người trực tiếp tham gia đánh bạc bằng hình thức chơi xóc đĩa ăn tiền. Khi đánh bạc, A đem theo số tiền 890.000đ và sử dụng toàn bộ số tiền này vào việc đánh bạc. Từ khi đánh bạc đến khi bị cơ quan Công an bắt quả tang thì A đang thắng bạc số tiền 650.000đ. Tổng số tiền gốc và tiền thắng bạc là 1.540.000đ, A để tại đệm trước mặt vị trí mình ngồi đánh bạc và bị Cơ quan Công an thu giữ khi bắt quả tang.

M là người trực tiếp tham gia đánh bạc bằng hình thức chơi xóc đĩa ăn tiền. Khi đánh bạc, K đem theo số tiền 890.000đ và sử dụng toàn bộ số tiền này vào việc đánh bạc. Từ khi đánh bạc đến khi bị cơ quan Công an bắt quả tang thì K đang thắng bạc số tiền 190.000đ. Tổng số tiền gốc và tiền thắng bạc là 1.080.000đ, K để tại đệm trước mặt vị trí mình ngồi đánh bạc và bị Cơ quan Công an thu giữ khi bắt quả tang.

C là người trực tiếp tham gia đánh bạc bằng hình thức chơi xóc đĩa ăn tiền. Khi đánh bạc, C đem theo số tiền 770.000đ và sử dụng toàn bộ số tiền này vào việc đánh bạc. Từ khi đánh bạc đến khi bị cơ quan Công an bắt quả tang thì C đang thua số tiền 70.000đ, số tiền còn lại là 700.000đ C để tại đệm trước mặt vị trí mình ngồi đánh bạc và bị Cơ quan Công an thu giữ khi bắt quả tang.

U là người trực tiếp tham gia đánh bạc bằng hình thức chơi xóc đĩa ăn tiền. Khi đánh bạc, U đem theo số tiền 50.000đ và sử dụng toàn bộ số tiền này vào việc đánh bạc. Từ khi đánh bạc đến khi bị cơ quan Công an bắt quả tang thì U đã thua hết số tiền 50.000đ.

Với nội dung trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số: 65/2022/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định.

1. Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 47 Bộ luật hình sự. Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đối với tất cả các bị cáo.

2. Tuyên bố: K, T, K, D, S phạm tội “Đánh bạc”.

3. Xử phạt:

K 02 (hai) năm tù, được trừ thời gian tạm giữ từ 20/5/2022 đến 26/5/2022, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

T 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ từ 20/5/2022 đến 26/5/2022, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

K 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ từ 20/5/2022 đến 26/5/2022, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ từ 20/5/2022 đến 26/5/2022, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ từ 20/5/2022 đến 26/5/2022, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra quyết định còn xử phạt 05 bị cáo tù cho hưởng án treo, 04 bị cáo cải tạo không giam giữ; áp dụng hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03 tháng 10 năm 2022, bị cáo K, K và D có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, bị cáo T và S có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu về đơn kháng cáo của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo K, T, K, D và S. Chấp nhận một phần đơn kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo K, T, K, D và S. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 65/2022/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với tất cả các bị cáo: Xử phạt K 02 năm tù, cho hưởng án treo, thử thách 04 năm; T 01 năm 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 03 năm 06 tháng; K 01 năm 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 03 năm 06 tháng; D 01 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 03 năm; S 01 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 03 năm, thời gian thử thách của các bị cáo tính từ ngày tuyên án phúc thẩm, giao các bị cáo cho địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, quản lý trong thời gian thử thách.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Luật sư bào chữa cho bị cáo K đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của các bị cáo K, T, K, D và S làm trong thời hạn luật định, đơn hợp lệ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận để xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung: Quá trình xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, các bị cáo K, T, K, D và S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản án sơ thẩm đã nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong vụ án; phù hợp với tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 20/5/2022, tại phòng nghỉ trưa của Công ty THHH L(xã V, huyện V) các bị cáo K, T, K, M, D, S, E, Nguyễn Tiến X, Phạm Ngọc G, A, M, A, C, U có hành vi đánh bạc ăn tiền bằng hình thức chơi “xóc đĩa”, tổng số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc là 35.600.000đ.

[4] Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy cấp sơ thẩm điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo K, T, K, D và S về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo K, T, K, D và S, Hội đồng xét xử xét thấy: Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò phạm tội, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định xử phạt các bị cáo K 02 năm tù; T 01 năm 09 tháng tù; K 01 năm 09 tháng tù; D 01 năm 06 tháng tù và S 01 năm 06 tháng tù là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên không có căn cứ để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[6] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo; Hội đồng xét xử thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương và gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Ngoài những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho các bị cáo, Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo xuất trình chứng cứ mới là đơn xin xác nhận về hoàn cảnh gia đình bản thân các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh gia đình gặp nhiều khó khăn, có xác nhận của địa phương. Ngoài ra bị cáo K có bố là Nguyễn Xuân Thi tham gia chiến tranh bảo

vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ theo Quyết định số 62/2011/QĐ/TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ, có ông nội là Nguyễn Văn Kỳ được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất, bị cáo K có bố tham gia chiến đấu bảo vệ tổ quốc tại khu vực chốt cao điểm 1945-1417 và đỉnh 800 thuộc xã Hua bum huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu, vợ bị tai nạn giao thông tổn hại 36% sức khỏe nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho tất cả các bị cáo theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T ngày 26/5/2017 bị xử phạt vi phạm hành chính 3.000.000đ về hành vi khai khoáng trái phép, ngày 31/5/2017 đã nộp phạt xong nên được coi là không có án tích. Xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo có nơi cư trú ổn định rõ ràng, việc không bắt bị cáo phải cách ly khỏi xã hội không ảnh hưởng đến phòng chống tội phạm nên chấp nhận một phần đơn kháng cáo của các bị cáo cho các bị cáo hưởng án treo cải tạo tại địa phương cũng đủ để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Quan điểm của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận một phần nên các bị cáo không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo K, T, K, D và S.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 65/2022/HS-ST ngày 22/9/2022 của Toà án nhân dân huyện V về phần hình phạt.

Tuyên bố các bị cáo: K, T, K, D và S phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với tất cả các bị cáo.

Xử phạt:

K 02 năm tù, cho hưởng án treo, thử thách 04 năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo K cho Ủy ban nhân dân xã Bồ Sao, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

T 01 năm 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 03 năm 06 tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã S Đông, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

K2 01 năm 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 03 năm 06 tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo K cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

D 01 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 03 năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo D cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

S 01 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 03 năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo S cho Ủy ban nhân dân xã Việt Xuân, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo K, T, K, D và S có thay đổi về nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo K, T, K2, D và S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện V;
- Công an huyện V;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã Bồ Sao, xã V huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND xã S Đông, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Văn Thái

- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.